

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 30

11/11/2011

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 3903000196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2008 và theo các Giấy CNDKKD điều chỉnh như sau:

<i>GCNDKKD điều chỉnh:</i>	<i>Ngày:</i>
Số 3903000196	
Từ lần thứ nhất đến lần thứ ba	Từ năm 2008 đến ngày 2 tháng 4 năm 2013
Số 5900288566	
Từ lần thứ tư đến lần thứ bảy	Từ ngày 18 tháng 10 năm 2013 đến ngày 14 tháng 2 năm 2015
Lần thứ tám	Ngày 2 tháng 4 năm 2015

Hoạt động kinh doanh theo Giấy CNDKKD của Công ty là xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê An Khang	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 29 tháng 1 năm 2015
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	nguyên là Chủ tịch cho đến trước ngày 29 tháng 1 năm 2015
Ông Trần Đình Lợi	Thành viên	
Ông Đinh Châu Hiếu Thiện	Thành viên	
Ông Hà Nguyên Hoàng	Thành viên	
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	từ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hàn Phi Hải	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2015
	Thành viên	trước ngày 27 tháng 3 năm 2015
Bà Vũ Thị Kiều Vân	Thành viên	
Bà Trần Thị Thu Hồng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2015
Ông Lưu Mạnh Thức	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2015

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trịnh Vinh Thanh	Giám đốc	bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2015 và từ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Ông Lê Văn Minh	Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2015
Ông Đoàn Văn Sơn	Phó Giám đốc	

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê An Khang.

Ông Trịnh Vinh Thanh được Ông Lê An Khang ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Quyết định số 25/2015-QĐ-CT.HĐQT ngày 20 tháng 11 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

11/01/2016

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Trịnh Vinh Thanh
Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61121146/1/8/6463

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") được lập ngày 2 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Building a better
working world**

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 2 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		100.713.519.428	113.697.832.744
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	67.095.462.041	15.005.651.543
111	1. Tiền		3.895.462.041	15.005.651.543
112	2. Các khoản tương đương tiền		63.200.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		31.254.539.359	96.158.026.293
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	30.687.273.320	13.761.353.409
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		294.047.150	294.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	82.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		273.218.889	102.672.884
140	III. Hàng tồn kho		2.301.970.810	2.460.424.980
141	1. Hàng tồn kho	6	2.301.970.810	2.460.424.980
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		61.547.218	73.729.928
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	25.632.727	37.680.797
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		35.914.491	36.049.131
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		316.299.193.670	313.898.654.276
220	I. Tài sản cố định		258.191.648.987	278.633.449.029
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	256.745.428.612	277.178.597.954
222	Nguyên giá		392.984.322.886	391.029.732.091
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(136.238.894.274)	(113.851.134.137)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	1.446.220.375	1.454.851.075
228	Nguyên giá		1.492.970.000	1.492.970.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(46.749.625)	(38.118.925)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		12.740.433	-
242	1. Xây dựng cơ bản dở dang		12.740.433	-
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	9	57.100.000.000	29.877.288.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		12.000.000.000	14.467.148.000
258	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		45.100.000.000	15.410.140.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		994.804.250	5.387.917.247
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	994.804.250	5.387.917.247
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		417.012.713.098	427.596.487.020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		123.073.722.121	140.336.156.018
310	I. Nợ ngắn hạn		89.575.189.290	85.872.265.831
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	185.054.511	317.416.623
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	4.970.830.811	4.336.463.412
314	3. Phải trả người lao động		758.727.548	843.594.320
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		40.000.000	135.228.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	58.806.358.466	53.499.200.056
320	6. Vay ngắn hạn	14	21.197.628.192	21.173.796.096
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.616.589.762	5.566.567.324
330	II. Nợ dài hạn		33.498.532.831	54.463.890.187
338	1. Vay dài hạn	14	33.498.532.831	54.463.890.187
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		293.938.990.977	287.260.331.002
410	I. Vốn chủ sở hữu	15.1	293.938.990.977	287.260.331.002
411	1. Vốn cổ phần		205.000.000.000	205.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		205.000.000.000	205.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		52.499.670.000	52.499.670.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		28.883.472.879	28.883.472.879
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.555.848.098	877.188.123
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		7.555.848.098	877.188.123
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		417.012.713.098	427.596.487.020


Võ Thị Tuyết Điệp
Người lập


Võ Thị Tuyết Điệp
Phụ trách kế toán



Trịnh Vinh Thanh
Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng		119.539.320.793	125.174.368.320
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng	16.1	119.539.320.793	125.174.368.320
11	3. Giá vốn hàng bán	17, 20	48.565.231.454	44.461.229.367
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng		70.974.089.339	80.713.138.953
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	7.969.258.542	1.997.450.276
22	6. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	18	5.237.129.136 4.951.395.612	13.130.409.734 13.010.187.964
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19, 20	4.285.807.587	4.735.588.502
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		69.420.411.158	64.844.590.993
31	9. Thu nhập khác		2.962.909	51.852.927
32	10. Chi phí khác		50.806.468	127.405.079
40	11. Lỗ khác		(47.843.559)	(75.552.152)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		69.372.567.599	64.769.038.841
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	6.318.907.624	9.001.976.781
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		63.053.659.975	55.767.062.060
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.4	3.000	4.698
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.4	3.000	4.698


Võ Thị Tuyết Điệp
Người lập


Võ Thị Tuyết Điệp
Phụ trách kế toán




Trịnh Vĩnh Thanh
Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		69.372.567.599	64.769.038.841
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	7, 8	22.396.390.837	21.647.934.827
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		232.270.836	99.045.450
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	16.2	(7.969.258.542)	(1.997.450.276)
06	Chi phí lãi vay	18	4.951.395.612	13.010.187.964
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		88.983.366.342	97.528.756.806
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(16.823.159.537)	4.702.461.997
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		158.454.170	(665.933.010)
11	Giảm các khoản phải trả		(97.921.803)	(9.149.978.369)
12	Giảm chi phí trả trước		3.419.824.091	5.806.808.106
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.951.395.612)	(13.010.187.964)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21	(5.792.668.108)	(11.005.186.403)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.949.977.562)	(2.303.455.446)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		62.946.521.981	71.903.285.717
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(981.994.252)	(1.865.551.845)
23	Tiền chi cho vay		-	(92.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		82.000.000.000	26.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(33.589.860.000)	(27.065.985.600)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.140.879.600	-
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		1.922.308.053	1.997.450.276
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		61.491.333.401	(92.934.087.169)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	157.499.670.000
33	Tiền thu từ đi vay		-	9.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(21.227.258.784)	(105.397.969.856)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(51.120.786.100)	(29.358.418.245)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(72.348.044.884)	31.743.281.899

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		52.089.810.498	10.712.480.447
60	Tiền đầu năm		15.005.651.543	4.293.171.096
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	67.095.462.041	15.005.651.543

Võ Thị Tuyết Điệp
Người lập

Võ Thị Tuyết Điệp
Phụ trách kế toán



Trịnh Vinh Thanh
Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2008 và theo các Giấy CNĐKKD điều chỉnh như sau:

<i>GCNĐKKD điều chỉnh:</i>	<i>Ngày:</i>
Số 3903000196	
Từ lần thứ nhất đến lần thứ ba	Từ năm 2008 đến ngày 2 tháng 4 năm 2013
Số 5900288566	
Từ lần thứ tư đến lần thứ bảy	Từ ngày 18 tháng 10 năm 2013 đến ngày 14 tháng 2 năm 2015
Lần thứ tám	Ngày 2 tháng 4 năm 2015

Hoạt động kinh doanh theo Giấy CNĐKKD của Công ty là xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 54 người (31 tháng 12 năm 2014: 55 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Việt Nam đồng ("VNĐ").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng đến Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã điều chỉnh lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nhiên liệu, công cụ và dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất lâu dài thì không được trích hao mòn.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	43 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	13 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - 25 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được ghi nhận như khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

▶ *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán ra và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	16.337.202	16.896.350
Tiền gửi ngân hàng	3.879.124.839	14.988.755.193
Các khoản tương đương tiền	63.200.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>67.095.462.041</u>	<u>15.005.651.543</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,5% đến 5,2% một năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 22</i>)	<u>30.687.273.320</u>	<u>13.761.353.409</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công cụ, dụng cụ	1.983.640.260	2.072.084.720
Nhiên liệu	318.330.550	388.340.260
TỔNG CỘNG	<u>2.301.970.810</u>	<u>2.460.424.980</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

						VNĐ
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Tài sản có định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
Số đầu năm	93.478.121.738	154.356.517.195	4.198.648.572	-	38.996.444.586	391.029.732.091
Mua mới trong năm	-	70.702.000	705.011.819	161.650.000	31.890.000	969.253.819
Phân loại lại	-	350.056.976	-	-	635.280.000	985.336.976
Số cuối năm	<u>193.478.121.738</u>	<u>154.777.276.171</u>	<u>4.903.660.391</u>	<u>161.650.000</u>	<u>39.663.614.586</u>	<u>392.984.322.886</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	53.309.398.428	44.825.202.253	907.791.387	-	14.808.742.069	113.851.134.137
Khấu hao trong năm	9.859.978.072	9.015.699.487	439.653.666	6.507.276	3.065.921.636	22.387.760.137
Số cuối năm	<u>63.169.376.500</u>	<u>53.840.901.740</u>	<u>1.347.445.053</u>	<u>6.507.276</u>	<u>17.874.663.705</u>	<u>136.238.894.274</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	<u>140.168.723.310</u>	<u>109.531.314.942</u>	<u>3.290.857.185</u>	<u>-</u>	<u>24.187.702.517</u>	<u>277.178.597.954</u>
Số cuối năm	<u>130.308.745.238</u>	<u>100.936.374.431</u>	<u>3.556.215.338</u>	<u>155.142.724</u>	<u>21.788.950.881</u>	<u>256.745.428.612</u>

Dự án Thủy điện H'Mun của Công ty với giá trị còn lại là 188.438.882.408 VNĐ đã được sử dụng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng. Chi tiết được thể hiện trong Thuyết minh số 14.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>1.492.970.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	38.118.925
Hao mòn trong năm	<u>8.630.700</u>
Số cuối năm	<u>46.749.625</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>1.454.851.075</u>
Số đầu năm	<u>1.446.220.375</u>

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất của Dự án Thủy điện H'Mun với giá trị còn lại là 1.446.220.375 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng. Chi tiết được thể hiện trong Thuyết minh số 14.

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	12.000.000.000	14.467.148.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (**)	<u>45.100.000.000</u>	<u>15.410.140.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>57.100.000.000</u>	<u>29.877.288.000</u>

(*) Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá mua của khoản đầu tư</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá mua của khoản đầu tư</i>
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ (i)	30	12.000.000.000	30	12.000.000.000
Công ty TNHH GKC	-	-	40	2.467.148.000
TỔNG CỘNG		<u>12.000.000.000</u>		<u>14.467.148.000</u>

(i) Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ ("Thượng Lộ") là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy CNĐKKD số 3301515921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 2 tháng 4 năm 2013. Thượng Lộ có trụ sở đăng ký tại số 189, Đường Phạm Văn Đồng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoạt động chính của Thượng Lộ là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(**) Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá mua của khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá mua của khoản đầu tư
	(%)	VNĐ	(%)	VNĐ
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú (i)	15	45.000.000.000	12,1	15.410.140.000
Công ty TNHH GKC (ii)	0,07	100.000.000	-	-
TỔNG CỘNG		45.100.000.000		15.410.140.000

(i) Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú ("Trường Phú") là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy CNĐKKD số 3300507847 do SKHĐT Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 10 tháng 8 năm 2007. Trường Phú có trụ sở đăng ký tại số 189, Đường Phạm Văn Đồng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoạt động chính của Trường Phú là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

(ii) Công ty TNHH GKC ("GKC") là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên hoạt động theo Giấy CNĐKKD số 6101145316 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp ngày 30 tháng 8 năm 2012, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. GKC có trụ sở đăng ký tại số 478, Đường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum. Hoạt động chính của GKC là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	25.632.727	37.680.797
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	954.531.637	5.195.688.780
Công cụ, dụng cụ	40.272.613	192.228.467
	994.804.250	5.387.917.247
TỔNG CỘNG	1.020.436.977	5.425.598.044

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	73.350.631	317.416.623
Công ty Lưới điện Cao thế Miền Trung	70.142.250	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	39.361.630	-
Khác	2.200.000	-
TỔNG CỘNG	185.054.511	317.416.623

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp/ cán trừ	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 21)	2.931.020.453	6.318.907.624	5.792.668.108	3.457.259.969
Thuế tài nguyên	535.700.173	6.031.415.119	6.198.929.857	368.185.435
Thuế giá trị gia tăng	869.742.786	11.957.182.155	11.681.539.534	1.145.385.407
TỔNG CỘNG	4.336.463.412	24.307.504.898	23.673.137.499	4.970.830.811

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	58.013.812.255	52.759.598.355
Phí môi trường rừng	652.535.080	719.146.520
Khác	140.011.131	20.455.181
TỔNG CỘNG	58.806.358.466	53.499.200.056
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	34.568.131.950	28.298.410.000
<i>Phải trả các bên khác</i>	24.238.226.516	25.200.790.056

14. VAY

	VND			
	Số đầu năm	Trả nợ vay	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm
Vay ngân hàng	75.637.686.283	(21.227.258.784)	285.733.524	54.696.161.023
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	21.173.796.096			21.197.628.192
<i>Vay dài hạn</i>	54.463.890.187			33.498.532.831

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Hợp đồng	Số cuối năm (VNĐ)	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai						
Hợp đồng tín dụng số 36/2006/HĐTD ngày 1 tháng 12 năm 2006	21.000.000.000		12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Xây dựng công trình Thủy điện H'Mun	8,5	Tài sản và quyền sử dụng đất của Dự án Thủy điện H'Mun
<i>Trong đó:</i>						
Vay dài hạn đến hạn trả	4.500.000.000					
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai						
Hợp đồng tín dụng số 08/2006/HĐTD ngày 11 tháng 8 năm 2008	25.801.116.613		12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Xây dựng công trình Thủy điện H'Mun	8,4	Như trên
<i>Trong đó:</i>						
Vay dài hạn đến hạn trả	14.316.000.000					
Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 02/2006/TDNN-ODA ngày 27 tháng 9 năm 2006	7.895.044.410	360.669	13 năm kể từ ngày hợp đồng	Xây dựng công trình Thủy điện H'Mun	1,7	Như trên
<i>Trong đó:</i>						
Vay dài hạn đến hạn trả	2.381.628.192	110.976				
TỔNG CỘNG	54.696.161.023					
<i>Trong đó:</i>						
Vay dài hạn đến hạn trả	21.197.628.192					
Vay dài hạn	33.498.532.831					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VNĐ					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	100.000.000.000	-	16.718.741.654	2.182.924.171	9.130.286.220	128.031.952.045
Tăng vốn	105.000.000.000	52.499.670.000	-	-	-	157.499.670.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	55.767.062.060	55.767.062.060
Trích quỹ	-	-	7.193.453.951	2.788.353.103	(9.981.807.054)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.788.353.103)	(2.788.353.103)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(51.250.000.000)	(51.250.000.000)
Số cuối năm	<u>205.000.000.000</u>	<u>52.499.670.000</u>	<u>23.912.195.605</u>	<u>4.971.277.274</u>	<u>877.188.123</u>	<u>287.260.331.002</u>
Năm nay						
Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	205.000.000.000	52.499.670.000	23.912.195.605	4.971.277.274	877.188.123	287.260.331.002
Trình bày lại (Thuyết minh số 26)	-	-	4.971.277.274	(4.971.277.274)	-	-
Số đầu năm (được trình bày lại)	<u>205.000.000.000</u>	<u>52.499.670.000</u>	<u>28.883.472.879</u>	-	<u>877.188.123</u>	<u>287.260.331.002</u>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	63.053.659.975	63.053.659.975
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(56.375.000.000)	(56.375.000.000)
Số cuối năm	<u>205.000.000.000</u>	<u>52.499.670.000</u>	<u>28.883.472.879</u>	-	<u>7.555.848.098</u>	<u>293.938.990.977</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
	(VNĐ)		(%)	(VNĐ)		(%)
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	119.193.640.000	11.919.364	58,14	107.193.640.000	10.719.364	52,29
Các cổ đông khác	6.000.000.000	600.000	2,93	6.000.000.000	600.000	2,93
	79.806.360.000	7.980.636	38,93	91.806.360.000	9.180.636	44,78
TỔNG CỘNG	205.000.000.000	20.500.000	100	205.000.000.000	20.500.000	100

15.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số cổ phiếu Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	20.500.000	20.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	20.500.000	20.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.500.000	20.500.000

15.4. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế (VNĐ)	63.053.659.975	55.767.062.060
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập (*)	(1.553.659.975)	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	61.500.000.000	55.767.062.060
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	20.500.000	11.869.863
Lãi trên cổ phiếu (VNĐ)		
- Lãi cơ bản	3.000	4.698
- Lãi suy giảm	3.000	4.698

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập của năm nay theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và đề xuất này sẽ được xem xét và chấp thuận bởi các cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên, dự kiến được tổ chức vào tháng 3 năm 2016.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.5 Cổ tức

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố trong năm	56.375.000.000	51.250.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	51.120.786.100	29.358.418.245

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu thuần về bán hàng

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện	<u>119.539.320.793</u>	<u>125.174.368.320</u>
Trong đó:		
Doanh thu thực hiện cho bên liên quan (Thuyết minh số 22)	119.539.320.793	125.174.368.320

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	5.773.731.600	-
Lãi tiền gửi	1.316.869.998	497.128.053
Lãi cho bên liên quan vay (Thuyết minh số 22)	<u>878.656.944</u>	<u>1.500.322.223</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.969.258.542</u>	<u>1.997.450.276</u>

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm điện đã bán	<u>48.565.231.454</u>	<u>44.461.229.367</u>

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.951.395.612	13.010.187.964
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	285.733.524	116.524.170
Khác	<u>-</u>	<u>3.697.600</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.237.129.136</u>	<u>13.130.409.734</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	1.974.598.013	2.121.070.260
Chi phí khấu hao và khấu trừ	282.047.985	275.598.048
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	191.511.136	242.902.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.101.793	19.571.132
Chi phí khác	1.817.548.660	2.076.446.745
TỔNG CỘNG	<u>4.285.807.587</u>	<u>4.735.588.502</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 7 và 8)	22.396.390.837	21.647.934.827
Chi phí nhân công	7.267.886.254	8.197.567.891
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	481.322.951	454.119.709
Chi phí dịch vụ mua ngoài	348.437.035	786.170.238
Chi phí khác	22.357.001.964	18.111.025.204
TỔNG CỘNG	<u>52.851.039.041</u>	<u>49.196.817.869</u>

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% thu nhập chịu thuế.

Đối với Dự án Thủy điện H'Chan, Công ty được áp dụng mức thuế suất 10% trong vòng mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (là năm 2006), được miễn thuế bốn (4) năm (từ năm 2006 đến năm 2009) và được giảm 50% thuế TNDN cho chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018) kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại.

Đối với Dự án Thủy điện H'Mun, Công ty được giảm 50% thuế TNDN cho chín (9) năm từ năm 2015 đến năm 2023.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thu nhập chịu thuế được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	69.372.567.599	64.769.038.841
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	585.063.938	638.461.875
Thù lao Hội đồng Quản trị	399.000.000	496.677.065
Điều chỉnh khác	(691.506.775)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính	69.665.124.762	65.904.177.781
<i>Trong đó:</i>		
Dự án Thủy điện H'Chan	35.616.599.779	32.334.954.875
Dự án Thủy điện H'Mun	28.274.793.383	33.569.222.906
Khác	5.773.731.600	-
Thuế TNDN ước tính phải nộp	6.161.278.213	9.001.976.781
<i>Trong đó:</i>		
Dự án Thủy điện H'Chan	1.780.829.989	1.616.747.743
Dự án Thủy điện H'Mun	3.110.227.272	7.385.229.038
Khác	1.270.220.952	-
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	157.629.411	-
Chi phí thuế TNDN trong năm	6.318.907.624	9.001.976.781
Thuế TNDN phải trả đầu năm	2.931.020.453	4.934.230.075
Thuế TNDN đã trả trong năm	(5.792.668.108)	(11.005.186.403)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	3.457.259.969	2.931.020.453



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông	Bán điện	119.539.320.793	125.174.368.320
		Cổ tức đã công bố	1.650.000.000	1.500.000.000
		Mua điện	140.483.486	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cổ tức đã công bố	32.778.251.000	26.798.410.000
		Mua dịch vụ	3.204.926.049	1.250.000.000
		Lãi cho vay	878.656.944	1.500.322.223
		Chi hộ	173.824.319	-
		Mua hàng hóa	17.446.432	180.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông Ly tâm Gia Lai	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	819.084.565	3.721.420.249

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông	Bán điện	<u>30.687.273.320</u>	<u>13.761.353.409</u>
Phải trả người bán ngắn hạn				
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông	Mua dịch vụ	17.609.262	10.643.974
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	5.703.213	306.772.649
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông Ly tâm Gia Lai	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	50.038.156	-
TỔNG CỘNG			<u>73.350.631</u>	<u>317.416.623</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cổ tức	32.778.251.000	26.798.410.000
		Chi hộ	139.880.950	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đồng	Cổ tức	1.650.000.000	1.500.000.000
TỔNG CỘNG			34.568.131.950	28.298.410.000

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	1.751.542.308	1.565.918.558

23. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt, tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Vì vậy, Ban Giám đốc không trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	VNĐ		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của trình bày lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Đầu tư ngắn hạn	82.000.000.000	(82.000.000.000)	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	82.000.000.000	82.000.000.000
Các khoản phải thu khác	50.992.884	(50.992.884)	-
Tài sản ngắn hạn khác	51.680.000	(51.680.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	102.672.884	102.672.884
Quỹ dự phòng tài chính	4.971.277.274	(4.971.277.274)	-
Quỹ đầu tư phát triển	23.912.195.605	4.971.277.274	28.883.472.879

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Võ Thị Tuyết Điệp
Người lập



Võ Thị Tuyết Điệp
Phụ trách kế toán



Trình Vinh Thanh
Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2016

